

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2021/DS-ST

Ngày: 18 - 10 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng, hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hương;
2. Ông Đặng Khoa Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 359/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K (Ngân hàng K)

Trụ sở: Số 40 - 42 - 44 đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - chức vụ Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Lê Phương Q - chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân Chi nhánh An Giang

Địa chỉ làm việc: Ngân hàng thương mại cổ phần K - Chi nhánh An Giang, số 21 - 22A2 đường L, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1978

Ông Lương Tuấn A1, sinh năm 1999

Cùng cư trú: Số 9/3A, khóm Th, phường Q1, thành phố X, tỉnh An Giang
Tại phiên tòa, bà Lê Phương Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trần Thị B và ông Lương Tuấn A1 vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, nguyên đơn do bà Lê Phương Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Trần Thị B và ông Lương Tuấn A1 có vay của Ngân hàng K số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A553522/HĐTD/CC ngày 10 tháng 7 năm 2018. Cụ thể:

- Số tiền vốn vay: 50.000.000 đồng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh
- Lãi suất cho vay: 14.94%/năm
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn
- Hình thức thanh toán: trả gốc và lãi hàng ngày kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2018 đến ngày 06 tháng 4 năm 2019, mỗi ngày 205.656 đồng, ngày cuối là 204.356 đồng.
- Thời hạn cho vay: 270 ngày
- Tài sản cầm cố bảo đảm nợ vay là: xe máy 02 bánh, nhãn hiệu HONDA, loại VARIO, màu nâu đen, số máy: KF11E2521903, số khung: 1123JK528287, biển kiểm soát 67B2-223.39 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 091911 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 21 ngày 6 năm 2018 cho ông Lương Tuấn A1.

Quá trình vay vốn, bà B và ông Tuấn A1 chỉ thanh toán nợ cho Ngân hàng K theo hợp đồng nêu trên được 17.274.679 đồng, trong đó vốn gốc là 15.556.556 đồng, lãi trong hạn là 1.719.123 đồng. Khi đến thời hạn thanh toán, Ngân hàng nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng dù cam kết, bà B và ông Tuấn A1 vẫn không thực hiện trả nợ.

Tạm tính đến ngày 25 tháng 3 năm 2021, bà B và ông Tuấn A1 còn nợ tổng số tiền là: 53.456.447 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 34.444.444 đồng, lãi trong hạn là 3.806.630 đồng, lãi quá hạn là 15.205.373 đồng.

Nay Ngân hàng K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông Tuấn A1 phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi còn nợ, và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc; tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn bà Trần Thị B và ông Lương Tuấn A1: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng K vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đồng thời xác định Ngân hàng K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà B, ông Tuấn A1 trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 18 tháng 10 năm 2021 là: 57.834.072 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 34.444.444 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.806.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 19.582.997 đồng.

- Bà Trần Thị B và ông Lương Tuấn A1 vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi đã cho vay dưới hình thức vay có cầm cố tài sản bảo đảm. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị B và ông Lương Tuấn A1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do; đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung;

[3.1] Giữa Ngân hàng K với bà Trần Thị B, ông Lương Tuấn A1 đã xác lập Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A553522/HĐTD/CC ngày 10 tháng 7 năm 2018 với các nội dung như nguyên đơn trình bày. Xét thấy, hợp đồng này được các bên giao kết trên nguyên tắc tự nguyện; hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật; lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, hợp đồng trên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi ký kết hợp đồng, bà B đã thực hiện trả được một phần tiền nợ vốn và lãi rồi bà B và ông Tuấn A1 đều không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng K theo đúng thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng K. Mặt khác, quá trình giải quyết, xét xử vụ án, bà B và ông Tuấn A1 không thể hiện ý kiến bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cổ

tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà B và ông Tuấn A1 phải liên đới trả cho Ngân hàng K số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18 tháng 10 năm 2021) là: 57.834.072 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 34.444.444 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.806.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 19.582.997 đồng.

[3.2] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà B và ông Tuấn A1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A553522/HĐTD/CC ngày 10 tháng 7 năm 2018 đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3.3] Để đảm bảo nghĩa vụ đối với khoản tiền vay, ông Tuấn A1 đã cầm cố xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VARIO, biển số 67B2-223.39 (do ông Lương Tuấn A1 là chủ xe) cho Ngân hàng K theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A553522/HĐTD/CC ngày 10 tháng 7 năm 2018. Việc cầm cố tài sản được các bên xác lập bằng hợp đồng và thực hiện đúng quy định pháp luật, nên trong trường hợp bà B và ông Tuấn A1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì phải thực hiện xử lý tài sản cầm cố để bảo đảm nghĩa vụ. Do đó, yêu cầu tiếp duy trì hợp đồng cầm cố để đảm bảo cho việc thi hành án của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà B và ông Tuấn A1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 238, các Điều 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 299, 309, 310, 314, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bà Trần Thị B và ông Lương Tuấn A1.

1.1 Buộc bà Trần Thị B và ông Lương Tuấn A1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K (Do Ngân hàng thương mại cổ phần K – Chi

nhánh An Giang đại diện) nhận số tiền (tạm tính đến ngày 18 tháng 10 năm 2021) tổng cộng là 57.834.072 đồng (năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi hai đồng), trong đó tiền nợ vốn gốc là 34.444.444 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng), tiền nợ lãi trong hạn là 3.806.630 đồng (ba triệu tám trăm linh sáu nghìn sáu trăm ba mươi đồng), tiền nợ lãi quá hạn là 19.582.997 đồng (mười chín triệu năm trăm tám mươi hai nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A553522/HĐTD/CC ngày 10 tháng 7 năm 2018. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần K có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Thị B và ông Lương Tuấn A1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì tài sản cầm cố là: 01 (một) chiếc xe mô tô (xe máy 02 bánh), nhãn hiệu HONDA, loại VARIO, màu nâu đen, số máy: KF11E2521903, số khung: 1123JK528287, biển kiểm soát 67B2-223.39 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 091911 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 21 ngày 6 năm 2018 cho ông Lương Tuấn A1; được xử lý theo quy định pháp luật để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần K (Do Ngân hàng thương mại cổ phần K – Chi nhánh An Giang đại diện) được nhận lại 1.336.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002784 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

Bà Trần Thị B và ông Lương Tuấn A1 phải chịu 2.891.700 đồng (hai triệu tám trăm chín mươi một nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (2);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Hương

Đặng Khoa Thi

Nguyễn Thùy Giang